

QUYẾT ĐỊNH

**Về việc phê duyệt quyết toán vốn đầu tư hoàn thành
Dự án thành phần Đường Khuổi Lào - Yên Lỗ, huyện Bình Gia,
thuộc dự án Đầu tư xây dựng cầu dân sinh và quản lý tài sản
đường địa phương (dự án LRAMP)**

CHỦ TỊCH ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19/6/2015; Luật Sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 22/11/2019;

Căn cứ Luật Quản lý, sử dụng tài sản công ngày 21/6/2017;

Căn cứ Luật Xây dựng ngày 18/6/2014; Luật Sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Xây dựng ngày 17/6/2020;

Căn cứ Nghị định số 151/2017/NĐ-CP ngày 26/12/2017 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Quản lý, sử dụng tài sản công;

Căn cứ Nghị định số 10/2021/NĐ-CP ngày 09/02/2021 của Chính phủ về quản lý chi phí đầu tư xây dựng;

Căn cứ Nghị định số 99/2021/NĐ-CP ngày 11/11/2021 của Chính phủ quy định về quản lý, thanh toán, quyết toán dự án sử dụng vốn đầu tư công;

Căn cứ Thông tư số 96/2021/TT-BTC ngày 11/11/2021 của Bộ trưởng Bộ Tài chính quy định về hệ thống mẫu biểu sử dụng trong công tác quyết toán;

Theo đề nghị của Giám đốc Sở Tài chính tại Báo cáo kết quả thẩm tra và đề nghị phê duyệt quyết toán dự án hoàn thành số 467/BC-STC ngày 02/10/2023.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Phê duyệt quyết toán vốn đầu tư công trình hoàn thành

1. Tên dự án: Dự án thành phần Đường Khuổi Lào - Yên Lỗ, huyện Bình Gia, thuộc dự án Đầu tư xây dựng cầu dân sinh và quản lý tài sản đường địa phương (dự án LRAMP).

2. Chủ đầu tư: Ban Quản lý xây dựng và bảo trì hạ tầng giao thông.

3. Địa điểm xây dựng: huyện Bình Gia, tỉnh Lạng Sơn.

4. Thời gian khởi công: tháng 9/2021; thời gian hoàn thành: tháng 12/2022.

Điều 2. Kết quả đầu tư

1. Chi phí đầu tư:

Đơn vị tính: đồng

Số TT	Nội dung	Tổng mức đầu tư được duyệt	Giá trị quyết toán được phê duyệt
Tổng số		20.626.282.000	19.806.712.000
1	Bồi thường, hỗ trợ và TĐC	956.129.688	919.119.000
2	Xây dựng	17.064.160.607	16.629.867.000
3	Quản lý dự án	426.326.490	426.111.000
4	Tư vấn ĐTXD	1.603.935.385	1.581.905.000
5	Chi phí khác	428.993.215	249.710.000
6	Chi phí dự phòng	146.796.615	0

2. Vốn đầu tư:

Đơn vị tính: đồng

Số TT	Nội dung	Tổng dự toán được duyệt sau điều chỉnh	Thực hiện			
			Giá trị quyết toán được phê duyệt	Số vốn đã giải ngân	Số vốn còn được giải ngân so với giá trị quyết toán được phê duyệt	Số vốn phải thu hồi so với giá trị quyết toán được phê duyệt
1	2	3	4	5	6=4-5	7=5-4
	Tổng số	20.626.282.000	19.806.712.000	13.659.404.000	6.147.308.000	0
1	Vốn đầu tư công:	20.626.282.000	19.806.712.000	13.659.404.000	6.147.308.000	0
1.1	Vốn vay ODA (WB):	20.626.282.000	18.257.359.000	12.414.576.000	5.842.783.000	0
-	Vốn vay ODA (WB) NSTW cấp phát:		16.431.622.000	11.173.119.000	5.258.503.000	0
-	Vốn vay ODA (WB) NST vay lại:		1.825.737.000	1.241.457.000	584.280.000	0
1.2	Vốn đối ứng ngân sách tỉnh:		1.549.353.000	1.244.828.000	304.525.000	0
2	Vốn khác:	0	0	0	0	0

3. Giá trị tài sản hình thành sau đầu tư:

Đơn vị tính: đồng

Nội dung	Thuộc chủ đầu tư quản lý		Giao đơn vị khác quản lý	
	Giá trị thực tế	Giá trị quy đổi (nếu có)	Giá trị thực tế	Giá trị quy đổi (nếu có)
1	2	3	4	5
Tổng số:			19.806.712.000	
1. Tài sản dài hạn (Tài sản cố định)			19.806.712.000	
2. Tài sản ngắn hạn			0	

4. Chi phí đầu tư được phép không tính vào giá trị tài sản: không.

5. Vật tư thiết bị tồn đọng: không.

Điều 3. Trách nhiệm của chủ đầu tư và các đơn vị liên quan

1. Trách nhiệm của chủ đầu tư

1.1. Được phép tất toán nguồn và chi phí đầu tư là

Số TT	Nội dung	Số tiền (đồng)	Ghi chú
Tổng số		19.806.712.000	
1	Nguồn vốn đầu tư công:	19.806.712.000	
1.1	Vốn vay ODA (WB):	18.257.359.000	
-	<i>Vốn vay ODA (WB) NSTW cấp phát:</i>	<i>16.431.622.000</i>	
-	<i>Vốn vay ODA (WB) NST vay lại:</i>	<i>1.825.737.000</i>	
1.2	Vốn đối ứng ngân sách tỉnh:	1.549.353.000	
2	Nguồn vốn khác:	0	

1.2. Tổng các khoản công nợ tính đến ngày lập báo cáo quyết toán:

- Tổng nợ phải thu: 0 đồng.

- Tổng nợ phải trả: 6.147.308.000 đồng.

(Chi tiết các khoản công nợ tại Phụ lục số 01 kèm theo Quyết định này)

1.3. Thực hiện bàn giao tài sản, hồ sơ công trình cho UBND huyện Bình Gia theo quy định.

2. Trách nhiệm của đơn vị tiếp nhận tài sản

2.1. Được phép ghi tăng tài sản

Đơn vị tính: đồng

Số TT	Tên đơn vị tiếp nhận tài sản	Tài sản dài hạn/cố định	Tài sản ngắn hạn
1	UBND huyện Bình Gia	19.806.712.000	0

2.2. Thực hiện ghi chép sổ sách kế toán, lưu trữ hồ sơ, quản lý, khai thác và bảo trì tài sản được giao theo quy định hiện hành.

Điều 4. Chánh Văn phòng UBND tỉnh, Giám đốc các Sở: Kế hoạch và Đầu tư, Tài chính, Xây dựng, Giao thông vận tải, Giám đốc Kho bạc Nhà nước tỉnh, Chủ tịch UBND huyện Bình Gia và Thủ trưởng các đơn vị liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:

- Như Điều 4;
- Thường trực HĐND tỉnh;
- Chủ tịch, các Phó Chủ tịch UBND tỉnh;
- Ban Kinh tế - Ngân sách (HĐND tỉnh);
- Các PCVP UBND tỉnh, Phòng TH, Trung tâm Thông tin;
- Lưu: VT, KT(CVĐ).

**KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH**



Lương Trọng Quỳnh

PHỤ LỤC SỐ 01**TÌNH HÌNH THANH TOÁN VÀ CÔNG NỢ CỦA DỰ ÁN***(Kèm theo Quyết định số 1587 /QĐ-UBND ngày 04 tháng 10 năm 2023 của Chủ tịch UBND tỉnh)**Đơn vị: đồng*

Số TT	Tên cá nhân, đơn vị thực hiện	Nội dung công việc, hợp đồng thực hiện	Giá trị quyết toán	Đã thanh toán, tạm ứng	Công nợ đến ngày khoá sổ lập báo cáo quyết toán		Ghi chú
					Phải trả	Phải thu	
1	2	3	4	5	6	7	8
	Tổng số		19.806.712.000	13.659.404.000	6.147.308.000	0	
1	Trung tâm Phát triển quỹ đất huyện Bình Gia	Chi phí bồi thường, hỗ trợ và tái định cư	919.119.000	913.500.000	5.619.000	-	
2	Công ty CP ĐTXD và PTNT Song Quang	Chi phí xây dựng	9.456.598.000	5.608.148.000	3.848.450.000	-	
3	Công ty CP xây dựng công trình 399	Chi phí xây dựng	7.173.269.000	5.631.069.000	1.542.200.000	-	
4	Ban quản lý xây dựng và bảo trì hạ tầng giao thông	Quản lý dự án	426.111.000	200.000.000	226.111.000	-	
		Lập HSMT; đánh giá HSDT GSTC	2.000.000	0	2.000.000	-	
		Thẩm định HSMT, thẩm định KQ LCNT	16.274.000	0	16.274.000	-	
5	Công ty CP tư vấn xây dựng giao thông Lạng Sơn	Khảo sát, lập BC NCKT, cắm cọc GPMB	525.036.000	515.036.000	10.000.000	-	
		Khảo sát, thiết kế BVTC	205.300.000	180.300.000	25.000.000	-	
		Lập HSMT; đánh giá HSDT xây lắp	29.200.000	29.200.000	0	-	
6	Công ty CP XD và TM Nghĩa Tùng	Thẩm tra thiết kế BVTC và dự toán	49.100.000	49.100.000	0	-	
7	Công ty cổ phần Sơn Hải	Giám sát thi công xây dựng	463.251.000	230.000.000	233.251.000	-	
8	Công ty CP xây dựng Thanh Chương	Tư vấn Kiểm định chất lượng công trình	291.744.000	133.023.000	158.721.000	-	
9	Tổng Công ty 319 Bộ Quốc phòng	Chi phí rà phá bom mìn, vật nổ	131.328.000	131.328.000	0	-	
10	Sở Giao thông vận tải tỉnh Lạng Sơn	Phí thẩm định dự án đầu tư	1.856.000	0	1.856.000	-	
		Thẩm định thiết kế BVTC	2.334.000	0	2.334.000	-	
		Thẩm định dự toán XDCT	2.269.000	0	2.269.000	-	
		Thẩm định thiết kế BVTC và dự toán bổ sung	428.000	0	428.000	-	
11	Công ty Bảo Việt Lạng Sơn	Chi phí bảo hiểm công trình	38.700.000	38.700.000	0	-	
12	Sở Tài chính tỉnh Lạng Sơn	Chi phí thẩm tra, phê duyệt quyết toán	72.795.000	0	72.795.000	-	